

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS - ST
Ngày 12/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Xuân Trường;
2. Ông Hoàng Thăng Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLHS - ST ngày 17/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn L; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/6/1975 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Nùng, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H (đã chết) và bà Nông Thị L; có vợ là Triệu Thị L; có 02 con (Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006);

Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 13/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 21/12/2018 bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách, chưa được xóa án tích nhưng đến tháng 4 năm 2019 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định 2869/ QĐ-UB, ngày 07/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với Trương Văn L với thời gian 24 tháng do Trương Văn L là đối tượng trộm cắp có

hệ thống, đã được giáo dục tại xã theo Nghị định 163/CP nhưng vẫn tiếp tục vi phạm.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nông Thị Chiên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người bị hại:*

1- Bà Triệu Thị N; sinh năm 1960; trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2- Chị Triệu Thị Ph; sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Các bị hại vắng mặt có lý do, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1- Anh Bàn Văn Th; sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2- Chị Triệu Thị X; sinh năm 1989; trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 12/4/2019, Trương Văn L đi sang nhà bà Triệu Thị N (Sinh năm 1960. Trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) thì thấy nhà bà N đã đóng cửa, tắt điện đi ngủ. L dùng đèn pin soi vào chuồng gà thì thấy có gà đang đậu ở phía ngoài chuồng nên nảy sinh ý định trộm cắp, L đi vào gần chuồng, bắt được 03 con gà, L xách gà đi về phía nhà chị Triệu Thị Ph (Sinh năm 1988. Trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn), với mục đích trộm cắp gà tiếp. Tại nhà chị Ph, L đi vào khu vực chuồng gà cạnh nhà bếp thì thấy có một chiếc lồng bằng tre, L cho 03 con gà trộm được của bà N cho vào trong lồng. Sau đó, L quan sát thấy tại hiên đằng sau bếp nhà chị Ph có 01 con gà, L bắt và cho vào chiếc lồng tre cùng 03 con gà trộm được trước đó. Lúc này, chị Ph nghe thấy có tiếng động nên đã dậy kiểm tra và phát hiện L đang trộm cắp gà, chị Ph đã hô hoán hàng xóm hộ giữ Trương Văn L rồi trình báo ngay sự việc cho Công an viên và Trưởng thôn đến lập biên bản sự việc. Tại biên bản cân xác định trọng lượng gà được kết quả: 03 (ba) con gà của bà Triệu Thị N (gồm: 01 (một) con gà trống màu lông vàng sẫm, 01(một) con gà mái màu lông vàng và 01 (một) con gà mái màu lông xám) có tổng trọng lượng 5,5 kg; 01 (một) con gà

mái màu lông xám hoa mơ của chị Triệu Thị Ph có trọng lượng 1,5 kg. Tổng cộng số gà L trộm cắp được có trọng lượng 07 kg.

Sau đó, đến khoảng 17 giờ ngày 27/4/2019, Trương Văn L lại tiếp tục trộm 01 con gà trống của bà Triệu Thị N, L đem gà về nhà cho vào một chiếc bao tải màu đỏ và đặt vào bên trong nhà, gần cửa chính. Một lúc sau, bà N phát hiện bị mất gà nên đã đến nhà L tìm thì thấy có con gà trống ở trong chiếc bao tải màu đỏ, thấy đúng là gà của mình nên bà N đã trình báo sự việc cho Công an viên và Trưởng thôn đến lập biên bản; 01 con gà trống cân được 02 kg.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra văn bản Yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận: Bốn con gà ta nặng 07kg trị giá 840.000 đồng; một con gà trống nặng 02kg trị giá 240.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người người làm chứng về thời gian, địa điểm, đặc điểm, số lượng tài sản bị mất và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng nhưng bản thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp tài sản lần này đã cấu thành tội phạm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT - VKSBB ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại Triệu Thị N, Triệu Thị Ph đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp (gà) và không yêu cầu bị cáo Trương Văn L phải bồi thường gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc lồng gà được đan bằng tre, đã cũ và 01 (một) chiếc bao tải màu đỏ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trương Văn L.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên sức khỏe của bị cáo không được tốt, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để được ở ngoài xã hội tự cải tạo, bị cáo xin hứa sẽ không tái phạm nữa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn L cũng thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, song giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã do vậy đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định: Khoảng 22 giờ ngày 12/4/2019 tại thôn N, xã Th, huyện B, Trương Văn L đã có hành vi trộm cắp 03 (ba) con gà của nhà bà Triệu Thị N và 01 (một) con gà của nhà chị Triệu Thị Ph; tổng số 04 (bốn) con gà có trọng lượng 07kg, trị giá 840.000 đồng. Đến ngày 27/4/2019, L lại tiếp tục trộm cắp 01 (một) con gà trống của bà Triệu Thị N có trọng lượng 02 kg, trị giá 240.000 đồng. Tài sản mà bị cáo đã trộm cắp có tổng trị giá là 1.080.000 đồng (*Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Mặc dù, lần này bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá dưới mức định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2004 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với Trương Văn L với thời gian 24 tháng do Trương Văn L là đối tượng trộm cắp có hệ thống, đã được giáo dục tại xã theo Nghị định 163/CP nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Tiếp đó năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 21/12/2018 bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách, chưa được xóa án tích nhưng đến tháng 4 năm 2019 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tuy cả 02 lần thực hiện việc trộm cắp, giá trị tài sản chưa đủ yếu tố định lượng nhưng bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, do vậy 02 lần trộm cắp đó đều đã cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản bị cáo trộm cắp chỉ trị giá 1.080.000 đồng), do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với đề nghị của bị cáo về việc xin được hưởng án treo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; đối chiếu với quy định về điều kiện cho người kết án phạt tù được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy không chấp nhận đề nghị này của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị hại là bà Triệu Thị N và chị Triệu Thị Ph vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đó các bị hại xác nhận đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét về phần bồi thường thiệt hại.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc lồng gà được đan bằng tre, đã cũ và 01 (một) chiếc bao tải màu đỏ, đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã và bị cáo đã có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí do vậy cần miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

[10] Đối với đề nghị của người bào chữa, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc lồng gà được đan bằng tre, đã cũ và 01 (một) chiếc bao tải màu đỏ, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trương Văn L.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THADS huyện B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

